

Bản án số: 166/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-08-2024
Vv: Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỐC OAI – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Thắng và ông Nguyễn Văn Viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên tòa:
Ông Đàm Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/08/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/04/2024 về việc Tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/07/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2024. Giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông **Bùi Văn T**, sinh ngày 06/01/1978.

ĐKTT: Đội 3, thôn V, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: phố A, phường T, huyện T, tỉnh Bình Dương.

Người bị kiện: Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1978.

ĐKTT và trú tại: Đội 3, thôn V, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của người khởi kiện ngày 24/01/2022, lời khai của người khởi kiện ôngng Thiết trình bày như sau:

Về tình cảm: Ông T và bà Lê Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết tại UBND xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, ngày 06/12/2002. Sau khi kết hôn về chung sống tại đội 3, thôn V, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống tình cách không hợp nhau, bất đồng trong tình cảm, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên không thể tiếp tục sống chung được nữa. Vợ chồng đã nói chuyện với nhau nhưng không giải quyết được những mâu thuẫn đó, càng ngày càng không thể gần gũi không nói chuyện được với nhau. Ông T đã bỏ nhà đi vào Bình Dương làm ăn và sinh sống trong đó được 03 năm nay, không ở cùng bà M. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay.

Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai giải quyết ly hôn giữa ông T và bà Lê Thị M.

Về con chung: Ông T và bà M có 02 con chung là Bùi Thu T, sinh ngày 28/10/2003 và Bùi Văn Thanh T, sinh ngày 01/05/2005. Các con của ông Minh đều đã trưởng thành việc ở với ai do các cháu tự quyết định.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng ông T và bà M tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Người bị kiện bà Lê Thị M trình bày:

Về tình cảm: Bà Lê Thị M và ông Bùi Văn T Thiết kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội ngày 06/12/2002. Sau khi kết hôn về chung sống tại đội 3, thôn V, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội. Thời kỳ đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khoảng năm 2020 ông Bùi Văn T đi làm ăn bên ngoài và có quen biết và quan hệ tình cảm với người con gái khác, sau đó ông T có đưa người yêu về nhà và nói muốn ly hôn bà M nhưng bà M không đồng ý. Sau đó ông T bỏ đi vào trong Miền Nam làm ăn và sinh sống. Ngoài nguyên nhân mâu thuẫn trên vợ chồng bà M không còn mâu thuẫn nào khác. Bà M có ngồi lại và nói chuyện với ông Bùi Văn T về mối quan hệ tình cảm với người con gái khác và khuyên ông T nên chia tay để về chung sống với vợ con, bà M sẽ bỏ qua những sai lầm của ông T để giữ gìn hạnh phúc gia đình, con cái phải có cả cha và mẹ. Cả hai bên gia đình nội ngoại không ủng hộ việc ông Bùi Văn T ly hôn bà M vì bà M không có lỗi gì với gia đình mà đều ủng hộ việc hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà M và ông T đã sống ly thân kể từ tháng 2020. Nay ông Bùi Văn T xin ly hôn, bà M không đồng ý vì tình cảm vẫn còn, bà M cũng không có lỗi, con cái cần có cả Cha và mẹ đề nghị Toà án hoà giải để gia đình đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng bà M có 02 con chung là Bùi Thu T, sinh ngày 28/10/2003; Bùi Văn Thanh T, sinh ngày 01/05/2005. Các con của chúng tôi đều đã trưởng thành việc ở với ai do các cháu tự quyết định.

Về tài sản chung và công nợ: Bà M và ông T tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà M đồng ý ông Bùi Văn T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Về tố tụng đại diện viện kiểm sát thấy ra sau khi thụ lý hồ sơ vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các bước tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Người khởi kiện chấp hành đã chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người bị kiện không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án; Sau khi có quyết định đưa vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho các đương sự, người khởi kiện có đơn xin xét xử mặt theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được tổng đạt và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về nội dung: Người khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với người bị kiện là có cơ sở chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho ông T được ly hôn bà M; Về con chung vợ chồng ông T và bà M có 2 con chung đã trưởng thành nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết; Về tài sản chung: Vợ chồng ông T và bà M tự giải quyết không có yêu cầu tòa án giải quyết; Về án phí: Người khởi kiện phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai thụ lý quan hệ Tranh chấp phát sinh là tranh chấp Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền theo lãnh thổ Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết nơi người bị kiện cư trú tại xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho người khởi kiện, người bị kiện; thông báo mở phiên họp, công khai chứng cứ và hoà giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa người khởi kiện vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt người khởi kiện; Người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vắng mặt người khởi kiện và người bị

kiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn.

- Xét yêu cầu của người khởi kiện thì thấy: Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự có đủ căn cứ xác định:

-*Về hôn nhân*: Ông Bùi Văn T và bà Lê Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết tại UBND xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội, ngày 06/12/2002. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tình cách không hợp nhau, dẫn đến tình cảm, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau và từ năm 2020 đến nay hai người sống ly thân, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng vẫn không đoàn tụ được.

Nay vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu nhau nữa, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông T. Ông Bùi Văn T được ly hôn bà Lê Thị M.

Về con chung: Ông T và bà M có 02 con chung là Bùi Thu T, sinh ngày 28/10/2003 và Bùi Văn Thanh T, sinh ngày 01/05/2005. Hiện 2 con đã trưởng thành. Khi ly hôn ông T và bà M không yêu cầu giải quyết do đó không xem xét giải quyết.

[3] -*Về tài sản chung, công sức, công nợ*: Ông T và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc ông T phải nộp án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng;

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57 và 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Bùi Văn T. Ông Bùi Văn T được ly hôn bà Lê Thị M.

2- Về con chung: Ông T và bà M có 02 con chung là Bùi Thu T, sinh ngày 28/10/2003 và Bùi Văn Thanh T, sinh ngày 01/05/2005. Hiện 2 con đã trưởng thành. Ông T và bà M không yêu cầu giải quyết.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Ông T và bà M không yêu cầu giải quyết.

4- Về án phí: Ông Bùi Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ông T đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0019953 ngày 01/04/2024 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quốc Oai.

5- Người khởi kiện, người bị kiện vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKS huyện Quốc Oai;
- Chi cục THADS huyện Quốc Oai;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Kiều Văn Thành